TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST Ngày 20-9-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 717/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị H, địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn T, địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày ngày 05 tháng 3 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện

A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2013 khi chị sinh con thứ 2 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống cùng với mẹ anh T, giữa chị và mẹ anh T sống không hòa hợp xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhưng anh T không giải quyết mâu thuẫn gia đình vì anh không có lập trường nghe mẹ, vợ chồng mâu thuẫn, anh T không tôn trọng chị và gia đình chị. Chị thuê nhà để làm nghề cắt tóc nhưng anh T không có niềm tin với chị, ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh đến nhà chị gái của chị H đánh khách của chị gái chị H trong bữa cơm vì nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người này. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã sống ly thân anh T từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2008 và Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013. Tại đơn ly hôn và bản tự khai, chị H đề nghị được nuôi con Đỗ Thị Kim O, chị nhường anh T nuôi con Đỗ Thị Ngọc M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng con Đỗ Thị Kim O có đơn xin ở với anh T nên chị nhường quyền cho anh T nuôi cả 02 con và chị có trách nhiệm tự nguyện với các con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh T nhất trí với chị H trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng xảy mâu thuẫn do bất đồng quan điểm xuất phát từ việc chị H và mẹ anh có mâu thuẫn với nhau, hai bên đều không thông cảm, nhường nhịn nhau. Bản thân anh là người ở giữa bên mẹ, bên vợ đã khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H không thông cảm, chia sẻ với anh, luôn cố chấp cho rằng anh bênh vực mẹ từ đó vợ chồng mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Chị H thuê nhà làm nghề cắt tóc và sống ly thân với anh từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Anh T xác nhận có đến nhà chị gái chị H đánh người khách là bạn của chị gái chị H trong bữa ăn là do anh T đã uống rượu, không kìm chế được bản thân nên nóng giận đã có xử sự không đúng, anh T nhận sai và xin chị H cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2021, anh T ý kiến nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2021, anh T vẫn còn tình cảm vợ chồng, chị H xin ly hôn anh xin chị H cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ; về con chung: Anh T nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ tên tuổi như chị H trình bày. Nếu chị H kiên quyết ly hôn anh và 02 con có ý kiến xin ở với anh thì anh nhất trí nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại

phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phùng Thị H và bị đơn anh Đỗ Văn T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phùng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T; về con chung: Giao con Đỗ Thị Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2008 và Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013 cho anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Phùng Thị H; về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Phùng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phùng Thị H có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Đỗ Văn T. Anh T có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Đỗ Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 3 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống cùng với mẹ anh T, giữa chị H và mẹ anh T sống không hòa hợp. Mẹ anh T không chấp nhận

chị H là con dâu, không đồng ý cho chị H quay lại chung sống với anh T. Do vậy mâu thuẫn trong gia đình trầm trọng kéo dài, anh T không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Chị H xin ly hôn anh T, anh T xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà anh còn ghen tuông làm mất tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh T có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2008 và Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013. Ly hôn chị H nhường quyền cho anh T nuôi cả hai con, chị H cấp dưỡng nuôi các con tự nguyện vì hiện nay chị H đang ở trọ, làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, cháu Mai và cháu Oanh đều trên 7 tuổi, đều có đơn đề nghị được ở với anh T. Anh T nhất trí nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh T có nơi ở cùng với mẹ đẻ anh và được sự hỗ trợ, chăm sóc chu đáo của bà với các cháu, anh T có công việc, có lương ổn định đảm bảo điều kiện nuôi các con. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho anh T nuôi 02 con là phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung: Chị Phùng Thị H và anh Đỗ Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Phùng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Thị Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2008 và Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013 cho anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Phùng Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phùng Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019296 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phùng Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phùng Thị H và anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn